

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú khóa 46 (2021-2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHYHN ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Quản lý và đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đạo đạo CKI, CKII và BSNT;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển Sau đại học số 2670/BB-ĐHYHN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Trường Đại học Y Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú khóa 46 (2021-2024) của trường Đại học Y Hà Nội cho 408 (Bốn trăm linh tám) học viên có tên trong phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các học viên Chuyên khoa cấp I có trách nhiệm thực hiện các quy định và hưởng mọi quyền lợi theo Quy chế đào tạo Sau đại học hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng SĐH, HC, TCKT, các đơn vị liên quan và các học viên có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (b/c)
- Hiệu Trưởng (b/c)
- Lưu: VT, SĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Quốc Hưng

Phụ lục
DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN BÁC SĨ NỘI TRÚ KHÓA 46 NĂM 2021
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Kèm theo Quyết định số: 5194/QĐ-ĐHYHN ngày 16 tháng 11 năm 2021

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
1	1	05210609	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	17/06/1996	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	
2	2	05210677	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	01/02/1997	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	
3	3	05210754	VŨ NGỌC DƯƠNG	Nam	16/10/1996	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	
4	4	05210483	QUÁCH THÙY DƯƠNG	Nữ	01/04/1996	Thái Nguyên	Chẩn đoán hình ảnh	
5	5	05210503	TRƯƠNG THỊ NGỌC HÀ	Nữ	15/03/1997	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
6	6	05210786	NGUYỄN THỊ HẢO	Nữ	23/01/1996	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
7	7	05210468	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	22/07/1997	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	
8	8	05210400	NGÔ THỊ HUYỀN	Nữ	29/11/1997	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	
9	9	05210046	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	06/04/1997	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
10	10	05210412	ĐỖ ĐẶNG KHÁNH	Nam	25/11/1997	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	
11	11	05210785	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	06/09/1997	Thái Nguyên	Chẩn đoán hình ảnh	
12	12	05210715	NGUYỄN TRÚC LINH	Nữ	18/12/1997	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
13	13	05210446	KHÚC DUY MẠNH	Nam	28/12/1997	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	
14	14	05210384	PHẠM THỊ MẾN	Nữ	25/09/1997	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	
15	15	05210713	PHẠM THẾ NGHĨA	Nam	04/01/1997	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	
16	16	05210634	LỤC THỊ HUYỀN NGỌC	Nữ	07/09/1997	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
17	17	05210809	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	26/01/1996	Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	
18	18	05210217	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	30/03/1997	Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	
19	19	05210385	ĐẬU THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	23/11/1997	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
20	20	05210288	TRƯƠNG QUỲNH OANH	Nữ	03/09/1996	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
21	21	05210641	VÕ HỒNG QUÂN	Nam	19/12/1995	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
22	22	05210113	NGUYỄN THANH TÂM	Nữ	21/07/1996	Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
23	23	05210661	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	08/03/1997	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	
24	24	05210606	TRƯƠNG THỊ THANH	Nữ	16/03/1997	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	
25	25	05210010	LÊ QUÝ THIÊN	Nam	07/02/1997	Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh	
26	26	05210424	PHẠM VĂN THUẬN	Nam	27/08/1997	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
27	27	05210462	TÓNG NGỌC TIỀN	Nam	02/11/1997	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
28	28	05210756	TRẦN THỊ HÀ TRANG	Nữ	08/11/1996	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	
29	29	05210654	ĐỖ LÊ ANH TRUNG	Nam	25/11/1997	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	
30	30	05210215	BÙI THỊ THÚY VY	Nữ	19/12/1997	Hải Phòng	Chẩn đoán hình ảnh	
31	1	05210456	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	18/09/1997	Sơn La	Da liễu	
32	2	05210467	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	10/03/1997	Nghệ An	Da liễu	
33	3	05210173	DƯƠNG THỊ THU	Nữ	14/06/1997	Hưng Yên	Da liễu	
34	4	05210320	LƯƠNG THỊ MINH THÚY	Nữ	29/07/1997	Nam Định	Da liễu	
35	5	05210523	TRẦN SƠN TÙNG	Nam	25/12/1997	Đồng Nai	Da liễu	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
36	1	05210164	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	26/04/1997	Vĩnh Phúc	Dị ứng - MDLS	
37	2	05210422	KHÚC THỊ TÀI LINH	Nữ	27/04/1997	Hải Dương	Dị ứng - MDLS	
38	3	05210709	NGUYỄN THỊ NGÀ	Nữ	30/10/1997	Nghệ An	Dị ứng - MDLS	
39	4	05210722	CAO THỊ TRINH	Nữ	05/10/1997	Nghệ An	Dị ứng - MDLS	
40	5	05210729	NGUYỄN HẢI LINH CHI	Nữ	26/03/1996	Thái Bình	Dinh dưỡng	
41	1	05210449	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	Nam	16/05/1997	Quảng Ninh	Dinh dưỡng	
42	2	05210427	NGUYỄN NHƯ HẬU	Nam	09/06/1997	Nghệ An	Dinh dưỡng	
43	3	05210612	PHÙNG MINH HIẾU	Nam	30/06/1997	Hà Nội	Dinh dưỡng	
44	4	05210529	LÊ DIỆU LINH	Nữ	23/02/1997	Hà Nội	Dinh dưỡng	
45	5	05210584	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	27/02/1997	Vĩnh Phúc	Dinh dưỡng	
46	6	05210150	VŨ THỊ TRANG	Nữ	15/03/1997	Thái Bình	Dinh dưỡng	
47	1	05210545	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	13/09/1995	Hải Dương	Dược lý và độc chất	
48	2	05210760	HOÀNG TRUNG VĂN	Nam	10/05/1997	Hải Dương	Dược lý và độc chất	
49	1	05210690	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	24/06/1997	Hà Nội	Gây mê hồi sức	
50	2	05210360	PHẠM VĂN DANH	Nam	25/10/1997	Hải Dương	Gây mê hồi sức	
51	3	05210461	ĐỖ THÀNH ĐỨC	Nam	15/06/1997	Hải Phòng	Gây mê hồi sức	
52	4	05210586	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	04/10/1997	Nam Định	Gây mê hồi sức	
53	5	05210611	ĐOÀN TRUNG HIẾU	Nam	04/10/1997	Hà Nội	Gây mê hồi sức	
54	6	05210254	NGUYỄN NGỌC KHÁNH HUYỀN	Nữ	02/07/1997	Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	
55	7	05210642	BÙI THỊ BÍCH LIÊN	Nữ	13/04/1997	Hòa Bình	Gây mê hồi sức	
56	8	05210526	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	31/07/1997	Quảng Ninh	Gây mê hồi sức	
57	9	05210828	NGUYỄN VĂN SỰ	Nam	09/12/1997	Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	
58	10	05210697	NGUYỄN CHÍ THIỆN	Nam	07/01/1997	Vĩnh Phúc	Gây mê hồi sức	
59	1	05210243	DIỆP QUỐC DŨNG	Nam	03/07/1996	Hà Tĩnh	Giải phẫu bệnh	
60	2	05210698	HOÀNG THỊ DUYÊN	Nữ	27/09/1997	Hải Dương	Giải phẫu bệnh	
61	3	05210420	LÊ HẢI GIANG	Nữ	25/10/1997	Hà Nội	Giải phẫu bệnh	
62	4	05210735	LÊ THỊ HUỆ	Nữ	20/10/1997	Thanh Hóa	Giải phẫu bệnh	
63	5	05210493	LƯƠNG TÚ OANH	Nữ	05/04/1997	Hải Dương	Giải phẫu bệnh	
64	6	05210155	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	02/12/1997	Nam Định	Giải phẫu bệnh	
65	7	05210411	DƯƠNG ĐÌNH TOÀN	Nam	13/02/1997	Bắc Giang	Giải phẫu bệnh	
66	8	05210052	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	10/11/1997	Hà Nội	Giải phẫu bệnh	
71	1	05210486	PHAN HUY GIANG	Nam	29/09/1997	Vĩnh Phúc	Hóa sinh Y học	
73	2	05210683	NGUYỄN HỒNG KỶ	Nam	06/06/1997	Hà Nội	Hóa sinh Y học	
75	3	05210591	NGUYỄN KIỀU LINH	Nữ	17/09/1997	Hòa Bình	Hóa sinh Y học	
79	4	05210180	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Nữ	21/01/1997	Bắc Giang	Hóa sinh Y học	
81	5	05210201	LÊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	03/11/1996	Nghệ An	Hóa sinh Y học	
82	6	05210457	LƯU VĂN THÁI	Nam	10/04/1997	Bắc Giang	Hóa sinh Y học	
83	7	05210604	NGỌC THU THẢO	Nữ	29/03/1997	Tuyên Quang	Hóa sinh Y học	
88	8	05210560	NGUYỄN LỆ XUÂN	Nữ	06/03/1997	Bắc Giang	Hóa sinh Y học	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
67	1	05210476	ĐỖ LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	21/01/1997	Hưng Yên	Hồi sức cấp cứu	
68	2	05210003	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	25/08/1997	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	
69	3	05210031	PHAN THỊ DIỆP	Nữ	26/06/1997	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	
70	4	05210621	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	29/03/1997	Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	
72	5	05210147	VŨ TIỀN HOÀNG	Nam	14/04/1997	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	PHTH
74	6	05210246	PHẠM KIM LÊ	Nữ	17/02/1996	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	
76	7	05210494	PHẠM THUỶ LINH	Nữ	20/06/1997	Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	
77	8	05210521	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	06/09/1997	Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	
78	9	05210783	PHAN NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	Nam	07/08/1997	Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu	
80	10	05210315	VŨ THỊ NGỌC NINH	Nữ	07/11/1996	Hà Nam	Hồi sức cấp cứu	
84	11	05210374	LƯƠNG TRUNG THU	Nữ	16/09/1997	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	
85	12	05210110	PHẠM THỊ THU THỦY	Nữ	24/11/1997	Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	
86	13	05210032	NGUYỄN HUY TIẾN	Nam	14/09/1997	Thái Nguyên	Hồi sức cấp cứu	
87	14	05210563	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	15/11/1996	Đắc Lắc	Hồi sức cấp cứu	
89	1	05210749	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	18/09/1997	Nam Định	Huyết học - Truyền máu	
90	2	05210472	ĐÀO HƯƠNG GIANG	Nữ	24/10/1997	Phú Thọ	Huyết học - Truyền máu	
91	3	05210505	LƯU THỊ LOAN	Nữ	20/08/1997	Bắc Giang	Huyết học - Truyền máu	
92	4	05210197	CAO HÀ MY	Nữ	29/08/1997	Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	
93	5	05210686	PHẠM THỊ NGỌC	Nữ	28/01/1997	Hải Dương	Huyết học - Truyền máu	
94	6	05210500	ĐÀM THỊ NGUYỆT	Nữ	12/10/1997	Bắc Ninh	Huyết học - Truyền máu	
95	1	05210573	LÊ THÙY DƯƠNG	Nữ	22/10/1997	Thái Nguyên	Ký sinh trùng	
96	2	05210247	PHẠM THỊ HIỀN	Nữ	14/08/1996	Nghệ An	Ký sinh trùng	PHTH
97	3	05210437	ĐÀO VŨ DIỆP PHƯƠNG	Nữ	05/05/1997	Quảng Ninh	Ký sinh trùng	
98	1	05210401	BÙI THỊ HƯƠNG	Nữ	20/04/1997	Nam Định	Lão khoa	
99	2	05210469	VŨ THỊ THANH	Nữ	30/06/1996	Nghệ An	Lão khoa	
100	3	05210314	HỨA THANH TRÚC	Nữ	03/06/1997	Yên Bái	Lão khoa	
101	1	05210013	NGUYỄN ĐẮC GIANG	Nam	30/10/1997	Bắc Ninh	Lao và bệnh phổi	
102	2	05210045	HOÀNG THỊ VIỆT HÀ	Nữ	03/11/1997	Hà Nội	Lao và bệnh phổi	
103	3	05210329	HOÀNG THU HUYỀN	Nữ	24/10/1997	Hải Dương	Lao và bệnh phổi	
104	4	05210711	NGUYỄN THỊ MINH NHẬT	Nữ	14/09/1997	Hải Phòng	Lao và bệnh phổi	
105	5	05210064	TRƯƠNG NGÂN QUỲNH	Nữ	12/01/1997	Hà Nội	Lao và bệnh phổi	
106	6	05210487	HOÀNG NGỌC THỨC	Nam	11/02/1996	Thanh Hóa	Lao và bệnh phổi	
107	7	05210363	CHU BÁ TOÀN	Nam	21/11/1997	Bắc Giang	Lao và bệnh phổi	
108	8	05210181	LÊ CẨM TÚ	Nữ	23/01/1996	Vĩnh Phúc	Lao và bệnh phổi	
109	1	05210639	HOÀNG THỊ DUYÊN	Nữ	20/11/1997	Nghệ An	Mô phôi thai học	
110	2	05210531	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	19/12/1997	Thanh Hóa	Mô phôi thai học	
111	3	05210510	NGÔ THỊ HẢI YẾN	Nữ	09/02/1997	Nghệ An	Mô phôi thai học	
112	1	05210581	HÀ ĐỨC ANH	Nam	04/11/1997	Thanh Hóa	Ngoại khoa	
113	2	05210159	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	18/11/1996	Hải Dương	Ngoại khoa	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
114	3	05210063	NGUYỄN TÚ ANH	Nam	25/08/1997	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	
115	4	05210694	LÊ TUẤN ANH	Nam	28/09/1997	Phú Thọ	Ngoại khoa	
116	5	05210356	NGUYỄN VĂN ANH	Nam	25/08/1997	Nghệ An	Ngoại khoa	
117	6	05210777	LÊ VĂN BÌNH	Nam	22/11/1997	Bắc Giang	Ngoại khoa	
118	7	05210739	VŨ TIỀN CHÂU	Nam	08/08/1997	Thái Bình	Ngoại khoa	
119	8	05210124	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	Nam	22/09/1997	Hà Nội	Ngoại khoa	
120	9	05210721	ĐÌNH LÊ CHƯƠNG	Nam	23/01/1997	Đồng Nai	Ngoại khoa	
121	10	05210166	LÊ HỮU CÔNG	Nam	05/01/1997	Hà Nội	Ngoại khoa	
122	11	05210767	LƯU ĐÌNH CƯỜNG	Nam	01/12/1997	Bắc Ninh	Ngoại khoa	
123	12	05210214	NGUYỄN MINH DIỆP	Nam	04/07/1996	Nghệ An	Ngoại khoa	
124	13	05210165	PHÙNG TIẾN DŨNG	Nam	30/12/1997	Yên Bái	Ngoại khoa	
125	14	05210331	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	23/06/1997	Hải Phòng	Ngoại khoa	
126	15	05210056	PHẠM ĐỨC DUY	Nam	11/10/1997	Nam Định	Ngoại khoa	
127	16	05210370	PHAN KHẮC TÙNG DƯƠNG	Nam	25/08/1997	Bắc Ninh	Ngoại khoa	
128	17	05210083	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	10/11/1997	Nam Định	Ngoại khoa	
129	18	05210059	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	13/03/1996	Thanh Hóa	Ngoại khoa	
130	19	05210759	LÊ TRƯỜNG GIANG	Nam	04/09/1997	Nam Định	Ngoại khoa	
131	20	05210129	HOÀNG NGỌC HÀ	Nam	01/04/1997	Hà Nội	Ngoại khoa	
132	21	05210710	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	28/06/1996	Hải Dương	Ngoại khoa	
133	22	05210496	LÊ CÔNG LÝ HÙNG	Nam	20/07/1997	Nghệ An	Ngoại khoa	
134	23	05210002	LÊ MINH HÙNG	Nam	28/04/1997	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	
135	24	05210788	NGUYỄN TIẾN HÙNG	Nam	23/04/1997	Bắc Ninh	Ngoại khoa	
136	25	05210506	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	19/04/1996	Thanh Hóa	Ngoại khoa	
137	26	05210434	PHẠM VĂN HÙNG	Nam	17/11/1997	Bắc Giang	Ngoại khoa	
138	27	05210259	TRỊNH XUÂN KHÁNH	Nam	15/07/1997	Nghệ An	Ngoại khoa	
139	28	05210459	TRẦN THỊ KHUYÊN	Nữ	03/12/1996	Thanh Hóa	Ngoại khoa	
140	29	05210100	ĐÌNH THỊ KHÁNH LINH	Nữ	19/04/1997	Nam Định	Ngoại khoa	
141	30	05210748	TRẦN NGỌC LINH	Nam	27/02/1997	Nghệ An	Ngoại khoa	
142	31	05210066	NGUYỄN VŨ CÔNG BẢO LONG	Nam	20/12/1997	Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	
143	32	05210293	ĐẶNG VĂN LONG	Nam	15/01/1997	Hà Nam	Ngoại khoa	
144	33	05210047	NGUYỄN XUÂN NGHIÊM	Nam	30/07/1997	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	
145	34	05210043	PHẠM NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN	Nam	11/04/1997	Đắk Nông	Ngoại khoa	
146	35	05210222	PHÙNG TUẤN PHONG	Nam	22/10/1996	Đắc Lắc	Ngoại khoa	
147	36	05210357	HOÀNG ĐẠI PHÚ	Nam	31/10/1997	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	
148	37	05210663	NGUYỄN VĂN PHÚC	Nam	05/05/1997	Hải Dương	Ngoại khoa	
149	38	05210719	NGÔ ĐĂNG QUANG	Nam	06/10/1997	Hải Dương	Ngoại khoa	
150	39	05210796	ĐẶNG HOÀNG QUỐC	Nam	25/09/1997	Nghệ An	Ngoại khoa	
151	40	05210162	NGUYỄN QUANG SANG	Nam	02/09/1997	Ninh Bình	Ngoại khoa	
152	41	05210582	HOÀNG ĐÌNH SƠN	Nam	16/01/1997	Thanh Hóa	Ngoại khoa	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
153	42	05210692	NGUYỄN HỒNG THÁI	Nam	04/06/1997	Hưng Yên	Ngoại khoa	
154	43	05210675	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	08/05/1997	Hà Nội	Ngoại khoa	
155	44	05210508	PHAN TIẾN THÀNH	Nam	03/12/1997	Hưng Yên	Ngoại khoa	
156	45	05210810	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	24/09/1997	Thái Nguyên	Ngoại khoa	
157	46	05210636	NGUYỄN QUANG THẮNG	Nam	11/09/1997	Bắc Ninh	Ngoại khoa	
158	47	05210108	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	Nam	22/08/1997	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	
159	48	05210475	CHU VĂN THẮNG	Nam	10/06/1997	Thanh Hóa	Ngoại khoa	
160	49	05210198	TRẦN ĐỨC THỊNH	Nam	05/12/1988	Ninh Bình	Ngoại khoa	PHTH
161	50	05210321	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	01/06/1997	Nam Định	Ngoại khoa	
162	51	05210289	PHẠM ĐỨC TOÀN	Nam	20/07/1997	Quảng Ninh	Ngoại khoa	
163	52	05210440	ĐẶNG ĐỨC TRUNG	Nam	26/09/1997	Ninh Bình	Ngoại khoa	
164	53	05210706	NGUYỄN QUANG TRUNG	Nam	17/06/1997	Hà Nội	Ngoại khoa	
165	54	05210685	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	18/01/1997	Hưng Yên	Ngoại khoa	
166	55	05210112	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	30/03/1996	Hà Nội	Ngoại khoa	
167	56	05210454	PHÍ VÂN TƯỜNG	Nam	24/10/1997	Hà Nội	Ngoại khoa	
168	57	05210184	NGUYỄN VĂN VIỆT	Nam	16/02/1997	Nam Định	Ngoại khoa	
169	58	05210813	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	11/07/1997	Hà Nội	Ngoại khoa	
170	59	05210757	LÊ QUANG VŨ	Nam	08/07/1997	Hà Giang	Ngoại khoa	
171	60	05210416	ĐẬU XUÂN YÊN	Nam	28/07/1997	Nghệ An	Ngoại khoa	
172	1	05210723	LÊ THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	07/03/1997	Nghệ An	Nhân khoa	
173	2	05210666	NGUYỄN HẠNH GIANG	Nam	24/08/1997	Bắc Ninh	Nhân khoa	
174	3	05210543	TRẦN THỊ HẢI	Nữ	10/10/1997	Nghệ An	Nhân khoa	
175	4	05210660	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	02/01/1996	Hòa Bình	Nhân khoa	
176	5	05210589	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Nữ	20/07/1997	Hải Phòng	Nhân khoa	
177	1	05210667	LÊ THỊ BỘI	Nữ	05/05/1997	Thái Bình	Nhi khoa	
178	2	05210640	PHẠM VĂN CƯỜNG	Nam	05/06/1997	Hà Nội	Nhi khoa	
179	3	05210212	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	10/08/1997	Hà Nội	Nhi khoa	
180	4	05210009	ĐỖ THÚY HẰNG	Nữ	09/06/1997	Nam Định	Nhi khoa	
181	5	05210578	TRẦN NGỌC HIẾU	Nam	15/06/1997	Kon Tum	Nhi khoa	
182	6	05210450	PHẠM THỊ HỒNG KHÁNH	Nữ	02/09/1997	Hưng Yên	Nhi khoa	PHTH
183	7	05210154	HÀ THỊ LIỄU	Nữ	20/03/1997	Vĩnh Phúc	Nhi khoa	
184	8	05210177	NGUYỄN TRỌNG PHƯỚC	Nam	10/11/1997	Nghệ An	Nhi khoa	
185	9	05210378	VŨ THU PHƯƠNG	Nữ	10/04/1997	Hải Dương	Nhi khoa	
186	10	05210249	LÊ ĐỨC QUANG	Nam	04/12/1997	Thanh Hóa	Nhi khoa	
187	11	05210657	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	Nam	01/04/1997	Nghệ An	Nhi khoa	
188	12	05210481	TRẦN ĐĂNG THÔNG	Nam	15/08/1997	Nghệ An	Nhi khoa	
189	13	05210035	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	18/05/1997	Hà Tĩnh	Nhi khoa	
190	14	05210708	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	17/03/1997	Bắc Ninh	Nhi khoa	
191	15	05210304	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	10/02/1997	Nam Định	Nhi khoa	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
192	1	05210701	ĐÀM ĐỨC ANH	Nam	25/06/1997	Hải Dương	Nội khoa	
193	2	05210176	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	06/02/1997	Hưng Yên	Nội khoa	
194	3	05210229	TRẦN THỊ ANH	Nữ	13/07/1997	Hà Nam	Nội khoa	
195	4	05210279	NGUYỄN MINH TUẤN ANH	Nam	21/02/1997	Hà Nội	Nội khoa	
196	5	05210381	VŨ THỊ VÂN ANH	Nữ	28/02/1997	Nam Định	Nội khoa	
197	6	05210626	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	01/11/1997	Thái Bình	Nội khoa	
198	7	05210287	VŨ THỊ ÁNH	Nữ	05/03/1997	Vĩnh Phúc	Nội khoa	
199	8	05210116	VŨ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	05/06/1997	Thái Bình	Nội khoa	
200	9	05210337	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Nữ	14/05/1997	Bắc Ninh	Nội khoa	
201	10	05210130	ĐỒNG THỊ DUNG	Nữ	06/03/1997	Bắc Giang	Nội khoa	
202	11	05210127	NGÔ THUỶ DUNG	Nữ	29/03/1997	Hà Nội	Nội khoa	
203	12	05210326	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	04/11/1997	Vĩnh Phúc	Nội khoa	
204	13	05210065	NGUYỄN THUY DƯƠNG	Nữ	12/06/1997	Hà Nội	Nội khoa	
205	14	05210705	NGUYỄN THỊ ĐÀO	Nữ	22/01/1997	Hưng Yên	Nội khoa	
206	15	05210645	NGUYỄN CHÍ ĐẠO	Nam	15/12/1997	Hưng Yên	Nội khoa	
207	16	05210704	DƯƠNG THỊ GIANG	Nữ	29/11/1997	Bắc Giang	Nội khoa	
208	17	05210477	CHU THỊ NGỌC HÀ	Nữ	28/07/1997	Hà Nội	Nội khoa	
209	18	05210473	BÙI NGỌC HẢI	Nam	08/07/1997	Hà Nội	Nội khoa	
210	19	05210153	AN XUÂN HẢO	Nam	14/01/1997	Hưng Yên	Nội khoa	
211	20	05210720	NÔNG THU HẰNG	Nữ	10/10/1997	Bắc Giang	Nội khoa	
212	21	05210752	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	07/11/1997	Hà Nội	Nội khoa	
213	22	05210826	TỔNG THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	13/03/1996	Nam Định	Nội khoa	
214	23	05210534	ĐÀO MẠNH HÙNG	Nam	13/02/1997	Lạng Sơn	Nội khoa	
215	24	05210230	TRƯƠNG THỊ ÁNH HUYỀN	Nữ	20/03/1997	Ninh Bình	Nội khoa	
216	25	05210579	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	16/09/1997	Nam Định	Nội khoa	
217	26	05210680	PHẠM THỊ HUYỀN	Nữ	01/01/1997	Nam Định	Nội khoa	
218	27	05210309	PHẠM THỊ THU HUYỀN	Nữ	18/06/1997	Bắc Giang	Nội khoa	
219	28	05210691	VŨ THỊ THU HUYỀN	Nữ	04/01/1996	Bắc Ninh	Nội khoa	
220	29	05210311	PHÙNG QUANG HÙNG	Nam	16/01/1997	Hà Nội	Nội khoa	
221	30	05210423	TRẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	08/11/1997	Nam Định	Nội khoa	
222	31	05210662	PHẠM KIM LINH	Nữ	02/10/1996	Thanh Hóa	Nội khoa	
223	32	05210061	PHAN NGUYỄN NHẬT LINH	Nam	22/02/1997	Hà Tĩnh	Nội khoa	
224	33	05210474	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	18/06/1997	Thanh Hóa	Nội khoa	
225	34	05210051	VŨ CÔNG MINH	Nam	09/03/1997	Hà Nội	Nội khoa	
226	35	05210074	VŨ VĂN MINH	Nam	02/01/1997	Vĩnh Phúc	Nội khoa	
227	36	05210509	ĐOÀN NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	21/03/1997	Tuyên Quang	Nội khoa	
228	37	05210546	VŨ ĐÌNH NAM	Nam	08/06/1997	Bắc Ninh	Nội khoa	
229	38	05210805	MAI THỊ NGÂN	Nữ	02/08/1997	Nam Định	Nội khoa	
230	39	05210209	LÊ THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	21/03/1996	Hà Tĩnh	Nội khoa	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
231	40	05210292	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	23/12/1996	Hà Nội	Nội khoa	
232	41	05210049	LÊ XUÂN PHÚC	Nam	02/11/1997	Quảng Ninh	Nội khoa	
233	42	05210665	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	17/09/1996	Nam Định	Nội khoa	
234	43	05210776	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	19/11/1997	Nghệ An	Nội khoa	
235	44	05210015	PHẠM NGỌC THẢO	Nữ	08/10/1997	Thanh Hóa	Nội khoa	
236	45	05210727	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	18/11/1996	Nghệ An	Nội khoa	
237	46	05210542	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	17/12/1997	Hưng Yên	Nội khoa	
238	47	05210566	HỒ THỊ THU THỦY	Nữ	18/01/1997	Nghệ An	Nội khoa	
239	48	05210316	HOÀNG THỊ TỎI	Nữ	02/06/1997	Bắc Kạn	Nội khoa	
240	49	05210231	PHẠM THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	18/05/1997	Nam Định	Nội khoa	
241	50	05210465	TRẦN THỊ HÀ TRANG	Nữ	22/07/1997	Hà Tĩnh	Nội khoa	
242	51	05210303	MAI THỦY TRANG	Nữ	06/09/1997	Nam Định	Nội khoa	
243	52	05210599	HÀ THANH XUÂN	Nữ	18/03/1997	Hà Nam	Nội khoa	
244	1	05210441	PHẠM ĐĂNG ANH	Nam	02/05/1997	Hưng Yên	Nội Tim mạch	
245	2	05210107	LÊ THỊ NGỌC ANH	Nữ	25/09/1997	Hà Nội	Nội Tim mạch	
246	3	05210090	HUỲNH XUÂN BẢO	Nam	03/05/1997	Bình Định	Nội Tim mạch	
247	4	05210394	VŨ MẠNH CƯỜNG	Nam	23/10/1997	Bắc Giang	Nội Tim mạch	
248	5	05210418	HÀ QUANG ĐẠO	Nam	02/03/1996	Bắc Giang	Nội Tim mạch	
249	6	05210746	NGUYỄN XUÂN ĐƯỜNG	Nam	24/02/1997	Bắc Ninh	Nội Tim mạch	
250	7	05210451	LÊ THỊ HẠNH	Nữ	05/03/1997	Nghệ An	Nội Tim mạch	
251	8	05210522	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	07/12/1997	Tuyên Quang	Nội Tim mạch	
252	9	05210664	ĐINH VĂN HƯỚNG	Nam	28/10/1997	Nghệ An	Nội Tim mạch	
253	10	05210414	LÊ CAO KHÁNH	Nam	20/09/1997	Hà Tĩnh	Nội Tim mạch	
254	11	05210600	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	Nam	29/07/1997	Tuyên Quang	Nội Tim mạch	
255	12	05210514	NINH THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/09/1997	Nam Định	Nội Tim mạch	
256	13	05210743	ĐINH NGỌC SƠN	Nam	18/11/1997	Thái Nguyên	Nội Tim mạch	
257	14	05210038	ĐÀO ANH TẤN	Nam	24/12/1997	Ninh Bình	Nội Tim mạch	
258	15	05210126	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	08/02/1997	Hà Nội	Nội Tim mạch	
259	16	05210502	ĐƯỜNG THỊ THẢO	Nữ	30/08/1997	Vĩnh Phúc	Nội Tim mạch	
260	17	05210445	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	01/12/1997	Hưng Yên	Nội Tim mạch	
261	18	05210603	BÙI ĐỨC THỊNH	Nam	14/10/1997	Phú Thọ	Nội Tim mạch	
262	19	05210255	HỒ THANH THỦY	Nữ	15/09/1997	Thanh Hóa	Nội Tim mạch	
263	20	05210498	NGUYỄN ĐẮC TIẾN TRÌNH	Nam	05/01/1997	Nghệ An	Nội Tim mạch	
264	1	05210379	NGUYỄN ANH ĐẠT	Nam	20/11/1997	Hòa Bình	Phẫu thuật tạo hình	
265	2	05210006	NGUYỄN ĐÌNH HUY	Nam	08/12/1997	Yên Bái	Phẫu thuật tạo hình	
266	3	05210017	HOÀNG NGỌC HUỲNH	Nam	12/08/1997	Thái Bình	Phẫu thuật tạo hình	
267	4	05210242	VŨ VĂN LONG	Nam	02/04/1997	Hưng Yên	Phẫu thuật tạo hình	
268	5	05210429	TRỊNH THỊ NGUYỆT	Nữ	10/09/1996	Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình	
269	6	05210244	LƯU VŨ QUANG	Nam	16/05/1997	Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
270	7	05210216	ĐINH TRƯỜNG SINH	Nam	04/12/1997	Thái Bình	Phẫu thuật tạo hình	
271	8	05210131	TRƯỜNG QUỐC SƠN	Nam	01/12/1993	Quảng Ninh	Phẫu thuật tạo hình	
272	1	05210135	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	05/06/1996	Hà Nội	Phục hồi chức năng	
273	2	05210202	LÊ THỊ DUYÊN	Nữ	28/02/1997	Thanh Hóa	Phục hồi chức năng	
274	3	05210552	TRẦN THỊ HẰNG	Nữ	24/08/1996	Hà Nội	Phục hồi chức năng	
275	4	05210480	ĐINH PHƯƠNG HUỆ	Nữ	15/10/1997	Phú Thọ	Phục hồi chức năng	
276	5	05210072	HÀ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	28/01/1997	Hà Nội	Phục hồi chức năng	
277	6	05210495	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Nữ	30/06/1997	Thanh Hóa	Phục hồi chức năng	
278	7	05210395	TRẦN THỊ LINH	Nữ	27/10/1997	Thái Bình	Phục hồi chức năng	
279	8	05210161	BÙI THỊ LAN NHI	Nữ	14/03/1997	Hà Tĩnh	Phục hồi chức năng	
280	9	05210484	CHU THỊ NHUNG	Nữ	30/11/1996	Hà Nội	Phục hồi chức năng	
281	10	05210726	PHẠM THU THỦY	Nữ	10/06/1997	Thanh Hóa	Phục hồi chức năng	
282	1	05210814	NGUYỄN THỊ GIANG	Nữ	28/01/1997	Bắc Giang	Răng - Hàm - Mặt	
283	2	05210488	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	12/09/1997	Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	
284	3	05210819	HÀ PHƯƠNG LINH	Nữ	21/12/1997	Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	
285	4	05210823	HOÀNG VĂN MINH	Nam	05/04/1997	Hà Nam	Răng - Hàm - Mặt	
286	5	05210693	TRẦN VĂN THẮNG	Nam	22/09/1995	Hải Dương	Răng - Hàm - Mặt	
287	6	05210624	CAO THỊ THUẬN	Nữ	14/05/1997	Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	
288	7	05210264	PHAN THỊ TÌNH	Nữ	09/10/1997	Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	
289	8	05210825	ĐẶNG MINH TRANG	Nữ	20/06/1997	Nam Định	Răng - Hàm - Mặt	
290	9	05210818	NGUYỄN QUỐC TRUNG	Nam	23/01/1997	Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	
291	10	05210018	NGÔ TIỀN VIỄN	Nam	28/11/1997	Nam Định	Răng - Hàm - Mặt	
292	1	05210096	TRẦN LÊ NGỌC CƯỜNG	Nam	02/03/1997	Hà Nội	Sân phụ khoa	
293	2	05210399	NGUYỄN THANH HẢI	Nam	05/03/1997	Sơn La	Sân phụ khoa	
294	3	05210085	TRẦN MINH HIẾU	Nam	22/11/1997	Bắc Ninh	Sân phụ khoa	
295	4	05210714	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	29/04/1997	Bắc Giang	Sân phụ khoa	
296	5	05210308	NGUYỄN NGỌC LÂM	Nam	15/09/1997	Bắc Ninh	Sân phụ khoa	
297	6	05210593	ĐINH THỊ MỸ LINH	Nữ	11/12/1997	Ninh Bình	Sân phụ khoa	
298	7	05210409	NGÔ VƯƠNG MINH	Nam	03/03/1997	Hà Nội	Sân phụ khoa	
299	8	05210376	NGUYỄN VIỆT THẮNG	Nam	24/10/1997	Nam Định	Sân phụ khoa	
300	9	05210447	NGUYỄN TIẾN THÉP	Nam	18/08/1997	Vĩnh Phúc	Sân phụ khoa	
301	10	05210540	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	10/07/1997	Hải Dương	Sân phụ khoa	
302	1	05210294	PHẠM ĐỖ THỰC ANH	Nữ	25/09/1996	Tuyên Quang	Miễn dịch	
303	2	05210091	TRẦN THU HUYỀN	Nữ	08/03/1997	Hà Nội	Miễn dịch	
304	1	05210067	ĐỖ TÙNG ĐẮC	Nam	16/11/1997	Hưng Yên	Sinh lý bệnh	
305	1	05210054	TRẦN TRỌNG ĐẠT	Nam	24/11/1996	Thái Bình	Sinh lý học	
306	2	05210587	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	01/01/1997	Hòa Bình	Sinh lý học	
307	3	05210478	VÕ THỊNH SƠN	Nam	15/01/1997	Hà Tĩnh	Sinh lý học	
308	1	05210623	BÙI MINH CHÂU	Nữ	23/03/1997	Hải Phòng	Tai - Mũi - Họng	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
309	2	05210188	NGÔ THỊ THANH THANH HIỀN	Nữ	11/06/1997	Hải Phòng	Tai - Mũi - Họng	
310	3	05210718	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	18/03/1997	Hà Nội	Tai - Mũi - Họng	
311	4	05210490	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	07/12/1997	Tuyên Quang	Tai - Mũi - Họng	
312	5	05210479	ĐỖ MINH KHANG	Nam	26/08/1997	Phú Thọ	Tai - Mũi - Họng	
313	6	05210622	THÁI BÁ MẠNH	Nam	14/05/1997	Nghệ An	Tai - Mũi - Họng	
314	7	05210537	LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	09/08/1997	Quảng Ninh	Tai - Mũi - Họng	
315	8	05210089	VŨ VĂN TÀI	Nam	16/10/1997	Hải Dương	Tai - Mũi - Họng	
316	9	05210322	HÀ THỊ THU TRANG	Nữ	22/06/1997	Hà Nội	Tai - Mũi - Họng	
317	10	05210497	NGUYỄN HỮU TRÍ	Nam	08/01/1996	Hà Nội	Tai - Mũi - Họng	
318	1	05210080	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	19/07/1997	Hà Nội	Tâm thần	
319	2	05210629	NGUYỄN MINH HIỀN	Nam	20/05/1997	Hà Nội	Tâm thần	
320	3	05210344	LÊ THỊ MỸ LINH	Nữ	16/02/1996	Thanh Hóa	Tâm thần	
321	4	05210404	LÊ THỊ THUY LINH	Nữ	05/06/1997	Nghệ An	Tâm thần	
322	5	05210008	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	Nam	24/11/1996	Thanh Hóa	Tâm thần	
323	6	05210528	PHẠM THỊ NGUYỆT NGÀ	Nữ	07/09/1996	Phú Thọ	Tâm thần	
324	7	05210602	NGUYỄN TRỌNG QUÂN	Nam	05/07/1997	Hải Dương	Tâm thần	
325	8	05210168	HOÀNG PHÚ QUÝ	Nam	29/04/1996	Hà Nội	Tâm thần	
326	9	05210580	PHẠM THANH TÙNG	Nam	26/07/1997	Hưng Yên	Tâm thần	
327	10	05210084	TRẦN LÂM VŨ	Nam	03/09/1997	Hà Nam	Tâm thần	
328	1	05210251	TRẦN THỊ THU HẰNG	Nữ	24/10/1996	Nam Định	Thần kinh	
329	2	05210513	PHẠM THANH MAI	Nữ	06/12/1997	Hải Dương	Thần kinh	
330	3	05210558	VƯƠNG TIỀN NAM	Nam	21/09/1997	Hà Nội	Thần kinh	
331	4	05210507	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	15/02/1997	Hải Dương	Thần kinh	
332	5	05210016	NGUYỄN THỊ SIM	Nữ	31/01/1997	Nam Định	Thần kinh	
333	6	05210460	TRẦN THỊ THƠM	Nữ	27/01/1997	Thanh Hóa	Thần kinh	
334	7	05210227	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	04/08/1996	Hà Tĩnh	Thần kinh	
335	8	05210577	GIÁP ÁNH TUYẾT	Nữ	16/04/1997	Bắc Giang	Thần kinh	
336	1	05210415	NGUYỄN KIM ANH	Nữ	22/08/1997	Hà Giang	Truyền nhiễm và CBNĐ	
337	2	05210228	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	Nam	30/10/1997	Thanh Hóa	Truyền nhiễm và CBNĐ	
338	3	05210764	PHAN KHẮC ĐÔNG DƯƠNG	Nam	25/08/1997	Bắc Ninh	Truyền nhiễm và CBNĐ	
339	4	05210158	HỒ THỊ GIANG	Nữ	01/08/1997	Đắc Lắc	Truyền nhiễm và CBNĐ	
340	5	05210375	BÙI NGỌC HẢI	Nam	24/01/1997	Hà Nội	Truyền nhiễm và CBNĐ	
341	6	05210282	ĐINH TRỌNG HÙNG	Nam	26/10/1997	Hòa Bình	Truyền nhiễm và CBNĐ	
342	7	05210343	DƯƠNG THỊ HƯỜNG	Nữ	07/02/1997	Vĩnh Phúc	Truyền nhiễm và CBNĐ	
343	8	05210575	THÁI HỮU TUẤN KIỆT	Nam	19/06/1997	Đắk Nông	Truyền nhiễm và CBNĐ	
344	1	05210658	PHẠM THỊ VÂN ANH	Nữ	05/03/1997	Vĩnh Phúc	Ung thư	
345	2	05210556	ĐỖ HUYỀN CHI	Nữ	05/10/1997	Hà Nội	Ung thư	
346	3	05210386	PHẠM VĂN DŨNG	Nam	05/12/1997	Hải Dương	Ung thư	
347	4	05210598	ĐẶNG XUÂN DŨNG	Nam	15/11/1996	Hòa Bình	Ung thư	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
348	5	05210717	NGUYỄN THỊ DƯƠNG DƯƠNG	Nữ	05/11/1997	Bắc Giang	Ung thư	
349	6	05210148	NGUYỄN VĂN ĐIỀU	Nam	06/11/1997	Nam Định	Ung thư	
350	7	05210792	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	Nam	05/02/1997	Hải Dương	Ung thư	
351	8	05210435	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	02/03/1997	Nam Định	Ung thư	
352	9	05210668	TRẦN THỊ HOA	Nữ	02/11/1997	Nghệ An	Ung thư	
353	10	05210703	NGUYỄN ĐOÀN HOAN	Nam	16/08/1997	Ninh Bình	Ung thư	
354	11	05210174	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	30/11/1997	Hà Nội	Ung thư	
355	12	05210170	NGUYỄN ĐÌNH LỢI	Nam	13/04/1996	Bắc Ninh	Ung thư	
356	13	05210774	NGUYỄN NGỌC AN NGUYỄN	Nam	27/11/1997	Nghệ An	Ung thư	
357	14	05210553	NGUYỄN HỒNG QUANG	Nam	17/12/1997	Hải Dương	Ung thư	
358	15	05210745	TRẦN VŨ HOÀNG QUÂN	Nam	22/04/1997	Hà Tĩnh	Ung thư	
359	16	05210398	PHẠM VĂN QUÂN	Nam	28/02/1997	Quảng Bình	Ung thư	
360	17	05210240	NGUYỄN BÁ THÁI	Nam	28/12/1997	Bắc Ninh	Ung thư	
361	18	05210094	LÊ HỒNG THÁI	Nam	16/11/1997	Quảng Bình	Ung thư	
362	19	05210442	NGUYỄN MẬU THÁI	Nam	24/01/1997	Hà Tĩnh	Ung thư	
363	20	05210302	PHẠM VĂN THẮNG	Nam	25/09/1997	Thanh Hóa	Ung thư	
364	21	05210778	PHAN KHÁNH TOÀN	Nam	30/12/1997	Quảng Bình	Ung thư	
365	22	05210417	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	Nữ	28/06/1997	Bắc Giang	Ung thư	
366	23	05210436	TRẦN NGUYỄN TUẤN	Nam	15/10/1997	Nghệ An	Ung thư	
367	24	05210413	ĐỖ XUÂN TÙNG	Nam	14/08/1997	Hà Nội	Ung thư	
368	25	05210266	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	07/11/1997	Nam Định	Ung thư	
369	1	05210669	LÊ THỊ THU HẢI	Nữ	27/01/1997	Thái Bình	Vi sinh y học	
370	2	05210504	NGÔ THỊ HẢO	Nữ	07/05/1996	Bắc Giang	Vi sinh y học	
371	3	05210430	NGUYỄN QUỲNH LIÊN	Nữ	10/10/1997	Thái Bình	Vi sinh y học	
372	4	05210779	ĐÀO QUANG LINH	Nam	09/12/1997	Hà Nội	Vi sinh y học	
373	5	05210134	TRẦN THỊ TUYẾT	Nữ	10/09/1996	Thái Bình	Vi sinh y học	
374	1	05210199	TRẦN THỊ LAN ANH	Nữ	13/10/1997	Hưng Yên	Y học cổ truyền	
375	2	05210794	LÊ VIỆT ANH	Nam	11/05/1995	Hà Nội	Y học cổ truyền	
376	3	05210803	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	07/05/1997	Hà Nội	Y học cổ truyền	
377	4	05210674	NGUYỄN QUỐC CHUNG	Nam	13/07/1997	Phú Thọ	Y học cổ truyền	
378	5	05210470	HÀ THỊ THU HOÀI	Nữ	28/03/1996	Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền	
379	6	05210146	TRẦN MINH HUỆ	Nữ	06/07/1997	Hà Nội	Y học cổ truyền	
380	7	05210306	PHẠM MỸ LINH	Nữ	17/10/1995	Hà Nội	Y học cổ truyền	
381	8	05210366	PHẠM THỊ UYÊN	Nữ	28/09/1996	Hà Nội	Y học cổ truyền	
382	9	05210369	NGUYỄN TRUNG TUYẾN	Nam	18/04/1997	Phú Thọ	Y học cổ truyền	
383	10	05210317	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	27/03/1997	Thái Bình	Y học cổ truyền	
384	1	05210784	NGUYỄN NGỌC HIẾU	Nam	26/11/1997	Hà Nội	Y học dự phòng	
385	1	05210119	PHẠM VĂN AN	Nữ	12/02/1997	Thái Bình	Y học gia đình	
386	2	05210482	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	22/05/1997	Hòa Bình	Y học gia đình	

TT	TT CN	Mã HV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
387	3	05210583	NGUYỄN BÁ HÀ	Nam	07/02/1997	Vĩnh Phúc	Y học gia đình	
388	4	05210169	LÊ THU HẰNG	Nữ	31/08/1997	Lào Cai	Y học gia đình	
389	5	05210525	PHẠM THỊ THU HIỀN	Nữ	09/02/1997	Nam Định	Y học gia đình	
390	6	05210700	VÕ THANH MAI	Nữ	04/12/1997	Hà Nội	Y học gia đình	
391	7	05210117	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	18/06/1997	Thái Bình	Y học gia đình	
392	8	05210183	DOÃN TRUNG SANG	Nam	29/10/1997	Hưng Yên	Y học gia đình	
393	9	05210630	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	12/06/1997	Hà Nam	Y học gia đình	
394	10	05210682	TRẦN THỊ THỰC TRANG	Nữ	30/12/1997	Nam Định	Y học gia đình	
395	1	05210491	LÊ ĐỨC ANH	Nam	26/04/1997	Thái Bình	Y pháp	
396	2	05210633	LƯU TÙNG DƯƠNG	Nam	19/12/1997	Nam Định	Y pháp	
397	1	05210673	TẠ THỊ LAN ANH	Nữ	07/07/1997	Phú Thọ	Y sinh học di truyền	
398	2	05210728	LÊ MINH CHÂU	Nam	17/06/1997	Hưng Yên	Y sinh học di truyền	
399	3	05210431	PHAN HOÀNG CÚC	Nữ	17/03/1996	Tuyên Quang	Y sinh học di truyền	
400	4	05210273	PHẠM TRƯỜNG GIANG	Nam	05/02/1997	Hà Nội	Y sinh học di truyền	
401	5	05210392	VŨ THU HƯƠNG	Nữ	16/08/1997	Thanh Hóa	Y sinh học di truyền	
402	6	05210160	PHẠM THỊ QUỲNH NGÀ	Nữ	13/11/1996	Hà Nội	Y sinh học di truyền	
403	7	05210077	HOÀNG MINH NGỌC	Nữ	02/09/1997	Bắc Giang	Y sinh học di truyền	
404	8	05210182	TIÊU THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	20/08/1997	Hải Dương	Y sinh học di truyền	
405	9	05210323	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	15/08/1997	Bắc Giang	Y sinh học di truyền	
406	10	05210614	ĐÀO THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	25/02/1997	Hà Tĩnh	Y sinh học di truyền	
407	11	05210802	NGUYỄN VIỆT TRUNG	Nam	28/02/1997	Tuyên Quang	Y sinh học di truyền	
408	12	05210515	HÀ SỸ TÙNG	Nam	10/10/1997	Thanh Hóa	Y sinh học di truyền	

Ấn định công nhận trúng tuyển 408 thí sinh/ 37 chuyên ngành đào tạo BSNT Khóa 46. 